

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua gạo và thực phẩm phục vụ nấu ăn cho đối tượng bảo trợ xã hội
- Tên dự toán: Dự toán mua sắm hàng hóa thực hiện công tác phục vụ, chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng năm 2026;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi
- Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá cố định
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước - Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi không thường xuyên năm 2026;
- Phạm vi công việc của gói thầu: Theo phạm vi cung cấp
- Địa điểm giao hàng: Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 365 ngày

2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1 Yêu cầu chung

- Hàng hóa Phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; Đảm bảo truy xuất được nguồn gốc hàng hóa bằng điện thoại hoặc các thiết bị chuyên dụng;
- Nhà thầu phải mô tả thông số kỹ thuật đầy đủ của sản phẩm dự thầu và đính kèm đầy đủ tài liệu kỹ thuật; bản công bố chất lượng sản phẩm đối với các sản phẩm phải thực hiện công bố theo quy định của pháp luật để chứng minh phù hợp với thông số kê khai;
- Đảm bảo an toàn, vệ sinh thực phẩm;
- Không tồn tại các chất bảo quản, hóa chất vượt ngưỡng cho phép. Đính kèm tài liệu chứng minh;
- Đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, tuân thủ quy định về giới hạn vi sinh vật gây bệnh, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng thuốc thú y, kim loại nặng, tác nhân gây ô nhiễm và các chất khác trong thực phẩm có thể gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người; Đính kèm tài liệu chứng minh;
- Cơ sở kinh doanh phải đảm bảo điều kiện về kinh doanh về vệ sinh an toàn thực phẩm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP

2.2 Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

STT	Nhóm Thực phẩm (bánh mì, bánh bao, bột nếp, mì...) sản phẩm đã qua chế biến từ tinh bột	Yêu cầu về kỹ thuật
1	Bánh bao	Bánh nhân thịt 02 trứng cút. Có hộp dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 200g/cái.
2	Bánh canh bột gạo	Đóng gói 05 kg/túi nilong, hàng mới sản xuất. Có dán tem, nhãn. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
3	Bánh canh bột lọc	Đóng gói 05 kg/túi nilong, hàng mới sản xuất. Có dán tem, nhãn. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng

STT	Nhóm Thực phẩm (bánh mì, bánh bao, bột nếp, mì...) sản phẩm đã qua chế biến từ tinh bột	Yêu cầu về kỹ thuật
4	Bánh chưng lớn	Có hút chân không, dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 1kg/cái.
5	Bánh chưng nhỏ	Có hút chân không, dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 200g/cái. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
6	Bánh hỏi	Đóng gói 05 kg/túi nilong; Hàng mới. Không chua, không có mùi thiu, Cọng bánh mới, mềm, màu trắng, không có mùi chua, mùi hôi, không có chất phụ gia. Thời điểm sản xuất: Không quá 06 giờ cho đến khi giao hàng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng từng túi
7	Bánh mì ổ lớn	Bánh mì đặc ruột, hàng nóng mới làm, ổ lớn. Ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
8	Bánh phồng tôm	Gói 100g, mới, không gãy nát, chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
9	Bánh tét lớn	Có hút chân không, dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 1kg/cái.
10	Bánh tét nhỏ	Có hút chân không, dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 400g/cái. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
11	Bánh ướt	Đóng gói 05 kg/túi nilong; Hàng mới. Không chua, không có mùi thiu, màu trắng, không có mùi chua, mùi hôi, không có chất phụ gia. Thời điểm sản xuất: Không quá 06 giờ cho đến khi giao hàng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
12	Bột bánh xèo	500g/gói. Mới, còn hạn sử dụng. Chính hãng, có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
13	Bột chiên giòn	Bột chiên giòn 150gr/gói. Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
14	Bột chiên xù	Bột chiên xù 150gr/gói. Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
15	Bột khoai	Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Quy cách: 01 kg/gói.

STT	Nhóm Thực phẩm (bánh mì, bánh bao, bột nếp, mì...) sản phẩm đã qua chế biến từ tinh bột	Yêu cầu về kỹ thuật
16	Bột năng	Đóng gói 10kg/túi. Còn hạn sử dụng, chính hãng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ
17	Bún gạo khô	Bún gạo khô một loại bún được làm từ bột gạo. Khác với bún tươi sử dụng trong ngày, bún gạo khô có thể dùng dần trong một thời gian dài mà không sợ bị hỏng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng.
18	Bún tươi	Đóng gói 30 kg/sọt. Có dán tem, nhãn. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
19	Chả lụa chay	Hàng mới. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 500 gr/gói
20	Đậu hũ chiên bi	Nguyên miếng, không dập nát. Màu trắng ngà, mịn mềm, chiên vàng, sờ tay không bị nhớt không bị chua. Thời gian sản xuất: Không quá 24 giờ kể từ thời điểm sản xuất đến thời điểm giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ.
21	Đậu hũ chiên lớn	Trọng lượng 125 gr/miếng, nóng. Nguyên miếng, không dập nát. Màu trắng ngà, mịn mềm, chiên vàng, sờ tay không bị nhớt không bị chua. Thời gian sản xuất: Không quá 24 giờ kể từ thời điểm sản xuất đến thời điểm giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và số miếng.
22	Đậu hũ trắng	Trọng lượng 125 gr/miếng, nóng. Nguyên miếng, không dập nát. Màu trắng ngà, mịn mềm, sờ tay không bị nhớt không bị chua. Thời gian sản xuất: Không quá 24 giờ kể từ thời điểm sản xuất đến thời điểm giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và số miếng
23	Gà lát chay	1kg/bịch. Hàng mới, không bị mốc. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ
24	Hũ tiêu mềm	Đóng gói 05 kg/túi nilong; Hàng mới sản xuất. Có dán tem, nhãn. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng

STT	Nhóm Thực phẩm (bánh mì, bánh bao, bột nếp, mì...) sản phẩm đã qua chế biến từ tinh bột	Yêu cầu về kỹ thuật
25	Mì quảng	Mì Quảng Khô Choice L Gói 300G (hoặc tương đương) được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại, quá trình kiểm tra giám sát nghiêm ngặt với thành phần chọn lọc chất lượng, hoàn toàn không sử dụng chất phụ gia, chất bảo quản độc hại, mang đến cho bạn sản phẩm chất lượng an toàn, giúp các bà nội trợ có thể yên tâm chế biến cho gia đình an tâm sử dụng.
26	Nui khô	Đóng gói 10 kg/túi. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
27	Sườn non chay	Hàng mới, không bị mốc. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ

STT	Nhóm thực phẩm cung cấp tinh bột (Gạo)	Yêu cầu về kỹ thuật
1	Gạo tẻ trắng cao cấp	<p>Gạo tài nguyên hoặc tương đương</p> <p>Yêu cầu chung: Đáp ứng toàn bộ theo yêu cầu của Bên mời thầu/Chủ đầu tư và tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạt gạo màu sắc trắng, không bị biến màu, có mùi tự nhiên của gạo, không có mùi vị lạ hay bất cứ mùi đặc biệt khác, không bị hỏng, không có côn trùng sống trong gạo. Dư lượng bảo vệ thực vật trong mức cho phép. - Gạo dễ nấu, phù hợp với hệ thống nồi hơi, sau khi nấu cơm phải nở, to, xốp, không dính cục. <p>☐ Yêu cầu cụ thể: Đáp ứng toàn bộ theo yêu cầu của Bên mời thầu/Chủ đầu tư và tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chí kỹ thuật: <ol style="list-style-type: none"> 1. Đặc tính hạt gạo <ul style="list-style-type: none"> •Hình dáng: hạt trung bình, hơi tròn, dài khoảng 5,8 – 6,2 mm, trắng trong, ít bạc bụng. •Tỉ lệ tấm ≤ 5%. •Tạp chất ≤ 0,1%. •Hạt vàng, hạt hư ≤ 0,5%. •Độ ẩm ≤ 14%. 2. Thành phần dinh dưỡng <ul style="list-style-type: none"> •Hàm lượng Amylose: 16 – 17% (cơm mềm dẻo, không khô cứng). •Hàm lượng Protein: 7 – 8%. •Không sử dụng chất tạo mùi, hóa chất bảo quản. 3. Đặc điểm cơm sau nấu <ul style="list-style-type: none"> •Cơm mềm, dẻo vừa, thơm dịu tự nhiên đặc trưng, để nguội vẫn giữ độ mềm, không khô cứng. •Cơm nấu trong nồi/bếp công nghiệp phải đạt yêu cầu: hạt nở đều, không nát, ít dính.

		<p>•Xuất xứ: Gạo sản xuất tại Việt Nam, vùng Đồng bằng sông Cửu Long.</p> <p><input type="checkbox"/> Yêu cầu về bao bì: Đáp ứng toàn bộ theo yêu cầu của Bên mời thầu/Chủ đầu tư và tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>- Bao bì đựng gạo trắng được làm từ hạt nhựa Polypropylen (gọi tắt là chất liệu PP) hoặc chất liệu phù hợp cho mục đích sử dụng và không có mùi làm ảnh hưởng đến sản phẩm. Bao bì dệt bằng chất liệu PP đảm bảo tiêu chuẩn không xâm nhiễm độc tố ảnh hưởng đến gạo; bao bì đóng gói mới (không tái sử dụng), khô, sạch, nguyên vẹn, bền, đảm bảo an toàn thực phẩm. Gạo trắng được đóng trong bao bì với các khối lượng thích hợp để bốc xếp, vận chuyển (50kg/bao). Trong lớp bao bì có lớp nilon chống thấm nước cho gạo khi vận chuyển cũng như bảo quản trong kho.</p> <p>- Nhãn mác hàng hóa: Tên sản phẩm; khối lượng tịnh; tên và địa chỉ nhà sản xuất, đóng gói hoặc người bán lẻ; xuất xứ hàng hóa; nhóm/loại/hạng chất lượng; ngày sản xuất (xay xát) đóng gói; hạn sử dụng.</p> <p>+ Tiêu chuẩn khác gạo trắng theo TCVN 11888:2017</p> <p>+ Quy cách đóng gói: 50kg/bao</p> <p>+ Thời gian gạo lưu kho: Không quá 06 tháng.</p> <p><input type="checkbox"/> Yêu cầu về an toàn thực phẩm: Đáp ứng toàn bộ theo yêu cầu của Bên mời thầu/Chủ đầu tư và tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>+ Sử dụng các phụ gia thực phẩm theo quy định hiện hành.</p> <p>+ Gạo trắng không có dư lượng thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng theo quy định hiện hành. Mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật cho phép có trong gạo trắng theo quy định hiện hành. Hàm lượng tối đa kim loại nặng trong gạo trắng như sau: Hàm lượng cadimi, mg/kg không quá 0,4; hàm lượng Asen, mg/kg không quá 1,0; hàm lượng chì mg/kg không quá 0,2.</p> <p>+ Hàm lượng tối đa độc tố vi nấm trong gạo trắng như sau: Hàm lượng aflotoxin B1, mg/kg không quá 5; Hàm lượng aflotoxin tổng số, mg/kg không quá 10.</p>
--	--	---

STT	Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
1	Bắp cải trắng	Loại 1kg/bắp. Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng

STT	Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
2	Bắp chuối bào	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm bảo: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
3	Bắp Mỹ	3 - 4 trái/kg, hàng tươi, ngon, không dập. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng.
4	Bắp nếp	4 - 5 trái/kg, hàng tươi, ngon, không dập. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng.
5	Bầu	Loại 3 trái/kg. Hàng tươi, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
6	Bí đỏ	Loại 700-900g/trái. Hàng tươi, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
7	Bí xanh	Loại 2 trái/kg. Hàng tươi non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
8	Bông cải trắng	Loại 700-900g/bông. Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm xay: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
9	Bông cải xanh	Loại 400-600g/bông. Tươi, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP
10	Bưởi da xanh	Loại 1,4-1,8kg/quả. Tươi, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
11	Cà chua	Hàng tươi non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng

STT	Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
12	Cà rốt	Hàng tươi, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
13	Cà tím	04 - 06 trái/kg, tươi, ngon, không úng. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng.
14	Cải bẹ xanh	Hàng tươi, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
15	Cải chua muối	Không nước ngâm. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
16	Cải ngọt	Hàng tươi, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
17	Cải thảo	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm bảo: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
18	Cải thìa	Hàng tươi, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
19	Cải xá bầu	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm bảo: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
20	Cam sành	04 - 06 trái/kg, tươi, ngon, không úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Quy cách đóng gói: Sử dụng những loại xốp bọc trái cây chuyên dụng, túi nilong
21	Cam tươi	Hàng nhập khẩu, vỏ mỏng, màu cam sáng, ít hạt, mọng nước, trọng lượng 04 - 05 trái/kg, tươi, ngon, không úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Quy cách đóng gói: Sử dụng những loại xốp bọc trái cây chuyên dụng, túi nilong
22	Cần tàu	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm bảo: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng

STT	Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
23	Cần tây	Tươi, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
24	Chanh trái	Tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
25	Chôm chôm	Chôm chôm giống thái hoặc tương đương. Thịt quả dày, màu trắng trong, vị ngọt, hạt dễ tách. Hàng tươi Không dập nát, không sâu bệnh, không héo úa, không hôi. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
26	Chuối cau	Tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
27	Chuối già	Tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
28	Chuối sứ	Tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
29	Củ cải trắng	Tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
30	Củ dền	Tươi, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
31	Củ gừng	Tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
32	Củ sắn	Tươi, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
33	Đậu bắp	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
34	Đậu cove	Hàng tươi, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng

STT	Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
35	Đậu đũa	Tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
36	Đậu phộng rang	Bóc vỏ, hàng mới, không bị mốc. Đóng gói. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng từng túi
37	Đậu xanh cà có vỏ	Có vỏ, không bị mốc, mọt. Đóng gói. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng từng túi
38	Đậu xanh nguyên hạt	Mới, không sâu, không mọt. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
39	Đồ chua sơi nhuyễn	Đóng gói 10 kg/túi. Hàng mới. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
40	Đu đủ chín (ruột vàng, đỏ)	Tươi ngon, bao ăn, không bị xốp và non, đu đủ chín (ruột vàng, đỏ), không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
41	Đu đủ hường nấu canh	Tươi, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
42	Dưa hấu đỏ không hạt	1,5 - 03 kg/trái, tươi, ngon, không úng, không hư, chín đều. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Quy cách đóng gói: Sử dụng những loại xốp bọc trái cây chuyên dụng, túi nilong
43	Dưa leo	Tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
44	Dưa lưới vàng	Tươi ngon, bao ăn, không bị xốp và non, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
45	Dừa nạo	Hàng mới, thơm, ngon. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Quy cách: 1kg/túi

STT	Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
46	Dừa Trái	Loại 1,5kg/trái. Tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
47	Giá đỗ	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm bảo: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
48	Hành đỏ xay	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm xay: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
49	Hành lá cắt gốc	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm xay: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
50	Hành phi ngon	Thời điểm sản xuất: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
51	Hành tây	Tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
52	Hạt bí	Hạt bí ngô rang còn vỏ. Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
53	Hạt dẻ cười	Hạt dẻ cười rang muối. Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
54	Hạt điều nhân rang muối	Hạt điều nhân (loại 1), rang muối, giòn, thơm đặc trưng, không ẩm mốc, không tạp chất. - Hạt nguyên, màu vàng sáng, không bị cháy đen, không vỡ vụn quá 10%. - Độ ẩm ≤ 5%, muối vừa ăn, không lẫn vỏ cứng. - Đạt tiêu chuẩn VSATTP, có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. - Bao gói kín, trọng lượng tịnh 500g – 1kg/túi hoặc đóng gói theo quy cách 5kg/thùng. - Có nhãn mác rõ ràng: tên sản phẩm, thương hiệu, nơi sản xuất, ngày sản xuất – hạn sử dụng.
55	Hạt hướng dương	Hạt hướng dương đã rang sẵn. Hàng mới. Chính hãng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
56	Hạt sen tươi	Tươi, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.

STT	Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
57	Hệ lá	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm xay: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
58	Kèo nèo	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
59	Khổ qua trái	Tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
60	Khoai lang	Loại 5 củ/kg. Tươi, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
61	Khoai mỡ tím	Loại 2 củ/kg. Tươi, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
62	Khoai môn cao	Loại 3 củ/kg. Tươi, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
63	Khoai tây	Loại 10 củ/kg. Tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
64	Lá giang	Tươi, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
65	Lê	04 - 05 trái/kg, tươi, ngon, không úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Quy cách đóng gói: Sử dụng những loại xốp bọc trái cây chuyên dụng, túi nilong
66	Măng cụt	Tươi ngon, bao ăn, không bị sượng và non, có hình dạng, màu sắc và mùi vị đặc trưng. Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng từng túi. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
67	Măng tươi luộc	Tươi, mới luộc trong ngày. Không ngâm hóa chất. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.

STT	Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
68	Me chua	Đóng gói 01 kg/túi. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
69	Mồng toi	Hàng tươi, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
70	Mướp hương non	Loại 5 trái/kg Tươi, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
71	Nấm bào ngư nâu	Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
72	Nấm dai	Trắng, 01 kg/bịch. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
73	Nấm đông cô khô	Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
74	Nấm đông cô tươi	Trắng, 01 kg/bịch. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
75	Nấm đùi gà	Tươi đóng 01 kg/bịch. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
76	Nấm kim châm	Tươi, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
77	Nấm rơm làm sạch	Trắng, 01 kg/bịch. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
78	Nghệ củ	Hàng tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
79	Ngò gai	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng

STT	Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
80	Ngò rí	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
81	Nhãn	Nhãn thái hoặc tương đương. Hàng tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
82	Nho đỏ	Tươi, ngon, không úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Quy cách đóng gói: Sử dụng những loại xốp bọc trái cây chuyên dụng, túi nilong
83	Nho kẹo	Tươi, ngon, không úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Quy cách đóng gói: Sử dụng những loại xốp bọc trái cây chuyên dụng, túi nilong
84	Nho tươi không hạt (xanh, đen)	Màu sắc xanh hoặc đen. Hàng nhập khẩu. Hàng tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
85	Nho xanh (sữa)	Hàng tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
86	Ớt chuông (xanh, đỏ, vàng)	Tươi, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
87	Ớt hiểm xay	Hàng tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
88	Ớt trái	Hàng tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
89	Quýt đường	Tươi, không bị dập. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
90	Quýt tươi	Hàng nhập khẩu. Quả tròn, vỏ mỏng, dễ bóc, màu vàng cam sáng. Trọng lượng trung bình: 80–120 g/quả. Tép mọng nước, vị ngọt thanh, ít hạt. Tươi, không bị dập. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng. Đảm bảo chất lượng và VSATTP

STT	Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
91	Quýt tươi	Quýt giống thái hoặc tương đương. Trái có hình cầu, hơi dẹp ở 2 đầu, thuần ngọt, ngọt thanh không có vị chua, vỏ mỏng, màu cam đỏ, có nhiều vết da cam sần sùi trên mặt vỏ, dễ tách múi, hương thơm nhẹ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Quy cách đóng gói: Sử dụng những loại xốp bọc trái cây chuyên dụng, túi nilong
92	Rau đắng	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
93	Rau dền	Hàng tươi, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
94	Rau má cây nhỏ	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
95	Rau muống bào	Hàng tươi, non, không dập úng. Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
96	Rau muống cọng	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
97	Rau muống nước	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
98	Rau ngót	Hàng tươi, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
99	Rau ôm	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
100	Rau răm	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
101	Rau sống các loại	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói
102	Sả bào	Hàng tươi, Thời điểm bào: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng

STT	Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
103	Sà cây	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
104	Sà lách	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
105	Sà lách xoong cọng lớn	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
106	Sà xay	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
107	Su hào	Hàng tươi, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
108	Su su trái	Tươi, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
109	Susu bào sẵn	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm bảo: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói
110	Táo Gala	06 - 10 trái/kg, tươi, ngon, không úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Quy cách đóng gói: Sử dụng những loại xốp bọc trái cây chuyên dụng, túi nilong
111	Thanh long	Loại 3 trái/kg Ruột trắng hoặc ruột đỏ. Ruột trắng hoặc đỏ. Tươi, bao ăn, không bị xốp và non, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
112	Thơm trái	Loại 0,8 - 1,2 kg/trái. Hàng tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
113	Tiêu xay	Đóng bao, thơm ngon không ảm mốc, Có tem, nhãn thể hiện rõ nguồn gốc xuất xứ sản phẩm
114	Tỏi xay	Hàng tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng

STT	Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
115	Vải thiều	Tươi, ngon, không úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Quy cách đóng gói: Sử dụng những loại xốp bọc trái cây chuyên dụng, túi nilong. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
116	Vú sữa	Loại 4 trái/kg Tươi, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo ATVSTP
117	Xoài cát	Loại 3 trái/kg Xoài cát Hòa Lộc (hoặc tương đương) Tươi, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
118	Xoài chín	Loại 3 trái/kg Xoài giống thái (hoặc tương đương) Tươi, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
119	Xoài keo	Loại 3 trái/kg Tươi, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.

STT	Nhóm Gia vị, nguyên liệu các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
1	Bơ hộp	Tường An (hoặc tương đương) hộp 800g. Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
2	Bột bán	Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Quy cách: 01 kg/gói.
3	Bột nêm lẩu chua	100g/gói. Còn hạn sử dụng, chính hãng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
4	Bột nghệ loại 1	Khô ráo, vàng bóng, Có dán tem, nhãn, ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, đảm bảo VSATTT.
5	Bột ngọt (5kg/bịch)	Hạt to, 5kg/bịch. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Thành phần: Monosodium Glutamate tinh khiết 99%, chất phụ gia thực phẩm.

STT	Nhóm Gia vị, nguyên liệu các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
6	Chao hủ 390G	Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng 390g/hũ. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
7	Củ kiệu chua	Củ kiệu ngâm chua ngọt hủ 300g - 400g. Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
8	Dầu ăn (5lít/can)	Đóng gói 5 lít/can. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Thành phần: Dầu thực vật tinh luyện gồm dầu olein, dầu đậu nành tinh luyện, vitamin A.
9	Đường cát trắng	Đóng gói 50 kg/túi. Đóng gói. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng từng túi.
10	Gia vị bò kho	Đóng gói 25 gr/gói. Còn hạn sử dụng, chính hãng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ
11	Gia vị bún bò	Đóng gói 25 gr/gói. Còn hạn sử dụng, chính hãng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ
12	Gia vị bún riêu	1 hộp 75 gam, còn hạn sử dụng. Chính hãng, có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
13	Gia vị lagu	Đóng gói 25 gr/gói. Còn hạn sử dụng, chính hãng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ
14	Gia vị lẩu	Gia vị lẩu thái, 1 hộp 75 gam. Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
15	Gia vị phở	Đóng gói 25 gr/gói. Còn hạn sử dụng, chính hãng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ
16	Gia vị ướp cà ri	1 gói 80 gam, còn hạn sử dụng. Chính hãng, có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP. .
17	Giấm ăn	Dạng nước đóng chai, Đảm bảo VSATTT, Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ
18	Hạt điều màu	Mới, không hư, không mốc. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
19	Mắm linh xay	Mắm loại 1, bịch/kg, xay sẵn. Không hư, không mốc. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng từng túi

STT	Nhóm Gia vị, nguyên liệu các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
20	Mắm ruốc	Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng từng túi. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP. Mắm loại 1, bịch/kg. Không hư, không mốc. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng từng túi
21	Mắm ruốc 417g	Mắm loại 1, hũ 417g. Không hư, không mốc. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng từng túi. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP
22	Mắm tôm 230g	Mắm tôm trí hải 230g/chai (hoặc tương đương). Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng từng túi. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
23	Màu hạt điều	Đóng gói 5 lít/can. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
24	Muối hạt	Đóng gói 01 kg/túi. Sạch, khô, không vón cục. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
25	Muối iot (01kg/bịch)	Đóng gói 01 kg/túi. Sạch, khô, không vón cục. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
26	Muối tiêu thường	Đóng gói 01 kg/túi. Sạch, khô, không vón cục. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
27	Nước mắm	Đóng gói 5 lít/can. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
28	Nước mắm 900ml	Độ Nhị hoặc tương đương. Đóng chai 900ml. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
29	Nước màu 5 lít	Đóng gói 5 lít/can. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
30	Nước tương	Tam thái tử nhị ca hoặc tương đương. Đóng gói 500 ml/ chai. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
31	Sa té tôm	Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng.
32	Tương đen 230ml	Cholimex hoặc tương đương. Đóng chai 230ML/chai. Còn hạn sử dụng, chính hãng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ
33	Tương ớt 270ml	Cholimex hoặc tương đương. Đóng chai 270ML/chai. Còn hạn sử dụng, chính hãng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ

STT	Nhóm Sữa, bột, nước ngọt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
1	Bột ăn dặm vị mặn	Bột ăn dặm mặn ridielac Vinamilk (hoặc tương đương) hộp 200g. Chính hãng, còn hạn sử dụng trên 70% tổng thời gian sử dụng theo công bố trên bao bì của nhà sản xuất. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
2	Bột ăn dặm vị ngọt	Bột ăn dặm ngọt ridielac Vinamilk (hoặc tương đương) hộp 200g. Chính hãng, còn hạn sử dụng trên 70% tổng thời gian sử dụng theo công bố trên bao bì của nhà sản xuất. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
3	Nước ngọt có gas	Nước ngọt pepsi (hoặc tương đương) 1 thùng 24 lon, 330ml/lon. Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
4	Nước yến sào 12% yến (70ml)	Nước yến hũ 70 ml/hũ. Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
5	Soup uống vi chất hấp thụ 250ml	bổ sung năng lượng hàng ngày, cung cấp dưỡng chất bồi bổ cần thiết cho cơ thể hấp thu nhanh chóng, hỗ trợ tăng cường bảo vệ sức khỏe toàn diện, phù hợp cho người trung niên và người lớn tuổi. Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất
6	Sữa pha sẵn loại 237ml/hộp	Sữa dinh dưỡng pha sẵn dành người ăn uống kém, người bệnh cần phục hồi sức khỏe, loại 237 ml/hộp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ
7	Sữa bột công thức dành cho trẻ từ 0 - 12 tháng tuổi	Dạng bột, hộp thiếc 800 - 900g. Bổ sung Sữa non ColosIgG 24h giàu kháng thể IgG, kết hợp lợi khuẩn Bifidus, HMO và hỗ trợ TĂNG CÂN KHỎE MẠNH, CHUẨN KHOA HỌC. Chính hãng, còn hạn sử dụng trên 70% tổng thời gian sử dụng theo công bố trên bao bì của nhà sản xuất. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
8	Sữa bột công thức dành cho trẻ từ 0 - 6 tháng tuổi	Dạng bột, hộp thiếc 800-900g, thành phần dinh dưỡng đáp ứng QCVN 11-2:2012/BYT, chứa nhiều kháng thể, chứa các dưỡng chất thiết yếu cho sự phát triển của bé như DHA, taurin, cholin cùng canxi, vitamin D3 giúp bé phát triển cân nặng và chiều cao. Chính hãng, còn hạn sử dụng trên 70% tổng thời gian sử dụng theo công bố trên bao bì của nhà sản xuất. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.

STT	Nhóm Sữa, bột, nước ngọt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
9	Sữa bột công thức dành cho trẻ từ 1 tuổi trở lên	Dạng bột, hộp thiếc 800-900g, thành phần dinh dưỡng đáp ứng QCVN 11-2:2012/BYT, chứa nhiều kháng thể, chứa các dưỡng chất thiết yếu cho sự phát triển của bé như DHA, taurin, cholin cùng canxi, vitamin D3 giúp bé phát triển cân nặng và chiều cao. Chính hãng, còn hạn sử dụng trên 70% tổng thời gian sử dụng theo công bố trên bao bì của nhà sản xuất. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
10	Sữa bột công thức dành cho trẻ từ 1 tuổi trở lên	Dạng bột, hộp thiếc 800 - 900g. Bổ sung Sữa non ColosIgG 24h giàu kháng thể IgG, kết hợp lợi khuẩn Bifidus, HMO và hỗ trợ TĂNG CÂN KHỎE MẠNH, CHUẨN KHOA HỌC. Chính hãng, còn hạn sử dụng trên 70% tổng thời gian sử dụng theo công bố trên bao bì của nhà sản xuất. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
11	Sữa bột công thức dành cho trẻ từ 2 tuổi trở lên	Dạng bột, hộp thiếc 800-900g, thành phần dinh dưỡng đáp ứng QCVN 11-2:2012/BYT, chứa nhiều kháng thể, chứa các dưỡng chất thiết yếu cho sự phát triển của bé như DHA, taurin, cholin cùng canxi, vitamin D3 giúp bé phát triển cân nặng và chiều cao. Chính hãng, còn hạn sử dụng trên 70% tổng thời gian sử dụng theo công bố trên bao bì của nhà sản xuất. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
12	Sữa bột công thức dành cho trẻ từ 2 tuổi trở lên	Dạng bột, hộp thiếc 800 - 900g. Bổ sung Sữa non ColosIgG 24h giàu kháng thể IgG, kết hợp lợi khuẩn Bifidus, HMO và hỗ trợ TĂNG CÂN KHỎE MẠNH, CHUẨN KHOA HỌC. Chính hãng, còn hạn sử dụng trên 70% tổng thời gian sử dụng theo công bố trên bao bì của nhà sản xuất. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
13	Sữa bột công thức dành cho trẻ từ 6 - 12 tháng tuổi	Dạng bột, hộp thiếc 800-900g, thành phần dinh dưỡng đáp ứng QCVN 11-2:2012/BYT, chứa nhiều kháng thể, chứa các dưỡng chất thiết yếu cho sự phát triển của bé như DHA, taurin, cholin cùng canxi, vitamin D3 giúp bé phát triển cân nặng và chiều cao. Chính hãng, còn hạn sử dụng trên 70% tổng thời gian sử dụng theo công bố trên bao bì của nhà sản xuất. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
14	Sữa bột pha sẵn dành cho trẻ từ 1 tuổi trở lên 180ml/hộp	Sữa nước hương vani 180ml/hộp, thùng 48 hộp x 180ml cho bé từ 1 tuổi trở lên được chế biến từ những thành phần như: nước, sữa toàn phần, sữa tách kem, sucrose, lactose, khoáng chất (canxi, kali, sắt sunfat, kẽm), vitamin A, E, D3...hoặc tương đương Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ

STT	Nhóm Sữa, bột, nước ngọt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
15	Sữa bột pha sẵn dành cho trẻ từ 1 tuổi trở lên 180ml/hộp	Bổ sung sữa non ColosIgG 24h. Thùng 48 hộp x 180ml cho bé từ 1 tuổi trở lên. Thành phần chính có trong sữa bột pha sẵn: Protein, chất béo, carbohydrate, sữa non, Lactium, Choline, Taurine, chất xơ hòa tan (FOS)- Khoáng chất: Natri, Kali, Canxi, Photpho, Magie, Sắt, Kẽm, Selen. - Các loại Vitamin: A, D3, E, K1, C, B1, B2, B6, B12, axit Pantothenic. ...hoặc tương đương. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ
16	Sữa chua có đường	Sữa chua có đường Vinamilk (hoặc tương đương) 100g/hũ. Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
17	Sữa chua dâu	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 100g, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Thành phần: Sữa, đường, thạch dừa, mứt dâu, dầu thực vật, gelatin thực phẩm, men Streptococcus thermophilus và Lactobacillus bulgaricus,...
18	Sữa chua nha đam	Sữa chua hộp 100 gr/hộp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất
19	Sữa chua trái cây	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 100g, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Thành phần: Nước, sữa bột, đường tinh luyện, thạch dừa, mứt trái cây 5%, chất béo thực vật whey bột, chất béo sữa, galetin thực phẩm, chất ổn định, hương liệu dùng cho thực phẩm, màu tự nhiên, men Streptococcus thermophilus và Lactobacillus bulgaricus.
20	Sữa chua uống hũ 130ml	Probi (hoặc tương đương), 130ml Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo ATVSTP
21	Sữa đậu nành 200ml/hộp	Sữa đậu nành hộp 200 ml/hộp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ
22	Sữa dinh dưỡng loại 237ml/hộp	Hộp 237ml. Sữa dinh dưỡng pha sẵn dành cho người cần bổ sung năng lượng và dưỡng chất thiết yếu cho người ăn uống kém, người bệnh đang hồi phục. Hỗ trợ cải thiện cân nặng, hạn chế suy dinh dưỡng ở người lớn tuổi. Tăng cường hệ miễn dịch, hỗ trợ hệ tiêu hóa và tim mạch. Giúp duy trì sức khỏe toàn diện. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ
23	Sữa nước bổ sung canxi dành cho người lớn 125ml/hộp	Sữa nước 125 ml/hộp. Ngừa loãng xương, cho xương chắc khỏe, giàu Canxi, vitamin D, đạm, ma-giê. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ

STT	Nhóm Sữa, bột, nước ngọt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
24	Sữa tươi (180ml/hộp)	Sữa tươi 180 ml/hộp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ
25	Váng sữa	Váng sữa monte (hoặc tương đương) loại 55 g. Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.

STT	Nhóm Bánh ngọt, mứt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
1	Bánh Flan	Trọng lượng ≥ 54 gr/hộp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, mùi hôi, không có chất phụ gia. Thời điểm sản xuất: Không quá 06 giờ cho đến khi giao hàng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
2	Bánh trung thu loại ngon (bánh nướng hoặc bánh dẻo 150g)	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm do nhà sản xuất trong nước có thương hiệu uy tín, được lưu hành hợp pháp, có đầy đủ giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm. - Bánh trung thu loại ngon, đóng gói riêng từng chiếc, trọng lượng khoảng $150g \pm 10g$/bánh, loại bánh nướng hoặc bánh dẻo. - Thành phần nhân: thập cẩm, đậu xanh, hạt sen, trà xanh hoặc nhân tương đương, hương vị truyền thống, không sử dụng phẩm màu độc hại. - Sản phẩm có nguồn gốc rõ ràng, có tem chống hàng giả, ngày sản xuất và hạn sử dụng in rõ trên bao bì. - Bánh đạt chứng nhận VSATTP, ISO 22000 hoặc tương đương. - Thời hạn sử dụng còn ít nhất 30 ngày tính đến thời điểm giao hàng. - Thương hiệu tương đương phân khúc Kinh Đô loại ngon trở lên.
3	Mứt dừa non	Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
4	Mứt gừng	Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
5	Mứt me	Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
6	Rau câu dừa	Hàng mới. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng

ST T	Nhóm Cá, thủy hải sản các loại và các sản phẩm chế biến từ cá	Yêu cầu về kỹ thuật
1	Cá bạc má hấp	Khoảng 3 con/giò (450gr - 500gr). Mới, không hư, không đông lạnh. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
2	Cá basa file	Không ươn, không hư thối, không đông lạnh. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
3	Cá basa làm sạch	300-500gr/con, không ươn, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
4	Cá bông lau làm sạch	0,8 - 1,5 kg/con. Làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng.
5	Cá bớp làm sạch	Làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Loại 3-5kg/con
6	Cá cam làm sạch	Làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Loại 1,2-1,3kg/con + Có Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm, có giấy thông tin nguồn gốc sản phẩm.
7	Cá đĩa làm sạch	Quy cách 5-6 con/kg. Mới giết mổ, không ươn, không hư thối, không đông lạnh. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
8	Cá diêu hồng làm sạch	Làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Loại 0,8-1,2kg/con
9	Cá hồi	1,2-1,5kg/con. Mới giết mổ, không ươn, không hư thối, không đông lạnh. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
10	Cá hộp	Cá hộp hiệu 3 cô gái (hoặc tương đương) 155g/hộp. Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.

ST T	Nhóm Cá, thủy hải sản các loại và các sản phẩm chế biến từ cá	Yêu cầu về kỹ thuật
11	Cá hú làm sạch	Làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, quy cách 0,8 - 1,2 con/kg. Mới giết mổ, không ướp, không hư thối, không đông lạnh. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
12	Cá hường làm sạch	05 -06con/kg. Làm sạch, cá tươi, mới giết mổ, không ướp, không hư thối, không đông lạnh. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
13	Cá kèo làm sạch	Loại 25-35 con/kg. Làm sạch, cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng.
14	Cá lăng làm sạch	Mới giết mổ, không ướp, không hư thối, không đông lạnh. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
15	Cá lóc đen làm sạch	0,8 - 1,2 kg/con. Làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.
16	Cá nưì làm sạch	Làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Loại 1,1-1,2kg/con + Có Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm, có giấy thông tin nguồn gốc sản phẩm.
17	Cá nục hấp	Khoảng 3 con/giò (450gr - 500gr). Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. + Có Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm, có giấy thông tin nguồn gốc sản phẩm.
18	Cá nục làm sạch	Quy cách 5-6 con/kg, hàng tươi, làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, mới giết mổ, không ướp, không hư thối, không đông lạnh. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
19	Cá saba hấp	Khoảng 2 con/giò (400gr - 500gr). Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng.
20	Cá saba làm sạch	0,8-1,2kg/con, mới giết mổ, không ướp, không hư thối, không đông lạnh. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.

ST T	Nhóm Cá, thủy hải sản các loại và các sản phẩm chế biến từ cá	Yêu cầu về kỹ thuật
21	Cá thát lát (nạo sẵn)	Không ươn, không hư thối, không đông lạnh. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
22	Cá thu	Làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Loại 2-2,5kg/con
23	Cá tra làm sạch	Làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, quy cách 0,7- 1,5 kg/con. Mới giết mổ, không ươn, không hư thối, không đông lạnh. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
24	Cá trê	02 - 03 con/kg. Làm sạch, cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng.
25	Cá viên	Hàng mới 18 ÷ 20 viên/kg, dai ngon. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
26	Chả cá ngon (chiên nóng)	Dai ngon, Nhà sản xuất có giấy ATVSTP, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
27	Chả giò rế	Hàng mới. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 500 gr/gói
28	Cua đồng xay	Tươi, đóng gói 01 kg/gói; có dán tem, nhãn. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
29	Ếch nguyên con làm sạch	Không ươn, không hư thối, không đông lạnh. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
30	Khô cá đù một nắng	Quy cách 0,5-1 kg/gói phơi khô, không ẩm mốc, không chất bảo quản, không qua đông lạnh, đóng gói hút chân không bằng bao bì PP. + Có Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm, có giấy thông tin nguồn gốc sản phẩm
31	Khô cá dứa một nắng	Quy cách 0,8-1,3 kg/gói phơi khô, không ẩm mốc, không chất bảo quản, không qua đông lạnh, đóng gói hút chân không bằng bao bì PP. + Có Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm, có giấy thông tin nguồn gốc sản phẩm qua đông lạnh, đóng gói hút chân không bằng bao bì PP

ST T	Nhóm Cá, thủy hải sản các loại và các sản phẩm chế biến từ cá	Yêu cầu về kỹ thuật
32	Khô cá thu	Quy cách 1-2 kg/gói phơi khô, không ẩm mốc, không chất bảo quản, không qua đông lạnh, đóng gói hút chân không bằng bao bì PP. + Có Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm, có giấy thông tin nguồn gốc sản phẩm
33	Khô tra lạt	1-3 kg/gói, Phơi khô, không ẩm mốc, không chất bảo quản, không qua đông lạnh, đóng gói màng bọc thực phẩm sinh học PE hoặc hút chân không PA. Hàng hoá phải có tem, nhãn mác (hoặc có tài liệu tương đương) có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, thời gian đóng gói, thời hạn sử dụng đảm bảo truy xuất được nguồn gốc bằng điện thoại. + Có Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm, có giấy thông tin nguồn gốc sản phẩm
34	Mực lá con vừa không đầu làm sạch	02 - 03 con/kg, hàng tươi, làm sạch, sơ chế theo yêu cầu, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.
35	Mực nang làm sạch	Hàng tươi, size trung, sơ chế theo yêu cầu. Có tem, nhãn thể hiện rõ nguồn gốc xuất xứ sản phẩm
36	Mực ống con vừa làm sạch	Hàng tươi, size trung, sơ chế theo yêu cầu. Có tem, nhãn thể hiện rõ nguồn gốc xuất xứ sản phẩm
37	Ruốc khô lớn	Quy cách 3-4 kg/bao, phơi khô, không ẩm mốc, không chất bảo quản, không qua đông lạnh, đóng gói hút chân không bằng bao bì PP, có giấy thông tin nguồn gốc sản phẩm. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
38	Tôm khô thường	Đóng bao, thơm ngon không ẩm mốc, Có tem, nhãn thể hiện rõ nguồn gốc xuất xứ sản phẩm. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
39	Tôm lớn	Hàng tươi, khoảng 20 ÷ 30 con/kg, sơ chế theo yêu cầu. Có tem, nhãn thể hiện rõ nguồn gốc xuất xứ sản phẩm. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
40	Tôm vừa	Hàng tươi, khoảng 60 ÷ 70 con/kg, sơ chế theo yêu cầu. Có tem, nhãn thể hiện rõ nguồn gốc xuất xứ sản phẩm
41	Vi cá hồi	Hàng tươi mới, không đông lạnh. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng

STT	Nhóm Thịt heo các sản phẩm từ thịt heo	Yêu cầu về kỹ thuật
1	Chả quế ngon (chiên)	Hàng mới. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 500 gr/gói

STT	Nhóm Thịt heo các sản phẩm từ thịt heo	Yêu cầu về kỹ thuật
2	Giò lụa ngon không hàn the	Tươi, không đông lạnh, còn hạn sử dụng. Mới hấp nóng, không hàn the. Thời điểm sản xuất: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
3	Giò sống (mộc) ngon	Tươi, không đông lạnh, còn hạn sử dụng, không hàn the. Thời điểm sản xuất: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
4	Heo quay	Mới quay trong ngày, da giòn thịt mềm. không hư. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng từng túi. Đảm bảo chất lượng.
5	Huyết heo	Hàng mới, không mùi lạ. Thời điểm sản xuất: Không quá 06 giờ cho đến khi giao hàng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ
6	Lạp xưởng 500g	Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng từng túi 500g. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
7	Nem nướng	Đóng gói 10 cây/kg, hàng mới nướng nóng, không đông lạnh. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
8	Sườn non heo	Hàng tươi mới, cắt khúc khoảng 03 ÷ 04 cm. Không đông lạnh, Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay có mặt đàn hồi, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát giết mổ. Đóng gói trong bao bì hút chân không. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng từng túi.
9	Thịt ba rọi	Thịt tươi ra dây, dày 05 cm/ miếng. Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay có mặt đàn hồi, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát giết mổ theo quy định. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
10	Thịt cốt lết	Thịt tươi ra dây, dày 05 cm/ miếng. Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay có mặt đàn hồi, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát
11	Thịt đùi gò	Thịt tươi ra dây, dày 05 cm/ miếng. Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay có mặt đàn hồi, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát

STT	Nhóm Thịt heo các sản phẩm từ thịt heo	Yêu cầu về kỹ thuật
12	Thịt heo nạc xay	Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay có mặt đàn hồi, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát
13	Thịt nạc vai	Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay có mặt đàn hồi, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát giết mổ theo quy định. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
14	Xúc Xích heo	Xúc xích vissan 40gr/cây (hoặc tương đương). Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
15	Xương heo ngon	Hàng tươi mới, không đông lạnh. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng

STT	Nhóm Thịt bò, các sản phẩm từ thịt bò	Yêu cầu về kỹ thuật
1	Bò viên	Hàng mới 18 ÷ 20 viên/kg, dai ngon. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
2	Chả bò	Có hút chân không dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 1kg/cây
3	Giò bò ngon	Vissan (hoặc tương đương). Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
4	Thịt bò - Nạm	Thịt tươi ra dây, dày 05 cm/ miếng. Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay có mặt đàn hồi, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát
5	Thịt bò - Tái	Thịt tươi ra dây, dày 05 cm/ miếng. Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay có mặt đàn hồi, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát
6	Xương bò	Hàng tươi mới, không đông lạnh. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng

STT	Nhóm Thịt gà, vịt chưa qua chế biến	Yêu cầu về kỹ thuật
1	Cánh gà	Thịt tươi, đàn hồi, không mùi lạ. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
2	Đùi gà công nghiệp góc tư	Thịt tươi, đàn hồi, không mùi lạ. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
3	Đùi tôi gà	Thịt tươi, đàn hồi, không mùi lạ. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
4	Gà ác	Làm sạch, 0,2 - 0,5 kg/con. Hàng tươi mới, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.
5	Gà ta làm sạch không lòng mề	Tươi, không đông lạnh, có giấy ATSVTP. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát giết mổ theo quy định. Đóng gói trong bao bì hút chân không. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng từng túi. Đảm bảo chất lượng.
6	Gà tam hoàng không lòng mề	Tươi, không đông lạnh, có giấy ATSVTP. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát giết mổ theo quy định. Đóng gói trong bao bì hút chân không. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng từng túi. Đảm bảo chất lượng.
7	Ức gà file	Hàng tươi mới, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.
8	Vịt xiêm làm sạch không lòng mề	1,5 - 03 kg/con, làm sạch, tươi sống, sơ chế theo yêu cầu, không đông lạnh. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.
9	Xương ức gà	Hàng tươi mới, không đông lạnh. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng

STT	Nhóm Thịt gà, vịt đã qua chế biến	Yêu cầu về kỹ thuật
1	Gà nướng	Mới nướng trong ngày, da giòn, không hư. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP

STT	Nhóm Trứng các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
1	Trứng gà	Trứng mới, không hư, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng (trọng lượng tối thiểu 60 gr/trứng). Không bị dập, vỡ. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
2	Trứng lộn	Trứng mới, không hư, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng (trọng lượng tối thiểu 60 đến 80 gr/trứng). Không bị dập, vỡ. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
3	Trứng vịt	Trứng mới, không hư, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng (trọng lượng tối thiểu 60 đến 80 gr/trứng). Không bị dập, vỡ. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng

Ghi chú: Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu, danh từ riêng (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật chỉ mang tính chất minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật khó mô tả, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt” hơn hẳn so với yêu cầu tối thiểu. Nội hàm tương đương được quy định trong yêu cầu kỹ thuật được hiểu là:

- (1) Được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận tương đương tiêu chuẩn
- (2) Tương đương về chất lượng, nhiệt độ, độ ẩm.
- (3) Tương đương về tính chất cơ khí và thuộc tính vật lý của vật liệu.
- (4) Tương đương về tính năng cơ bản, độ tin cậy, phạm vi ứng dụng
- (5) Tương đương về công suất; hiệu suất, yêu cầu thông số đầu vào; danh mục, độ chính xác kết quả đầu ra

3. Yêu cầu về thời gian và khối lượng dự kiến

- Địa điểm giao hàng: Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
- Thời gian giao hàng:
 - + Hàng hóa được cung cấp thành nhiều đợt liên tục trong thời gian 365 ngày, theo yêu cầu cụ thể của chủ đầu tư trong mỗi đợt;
 - + Thời gian cung ứng hàng hóa chậm nhất là 05 giờ 00 phút hàng ngày (riêng ngày lễ, thời gian giao hàng trước 04 giờ 45 phút) sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư (bằng fax hoặc điện thoại trong trường hợp khẩn cấp). Riêng đối với hàng hóa trúng thầu dùng đợt

xuất bắt buộc giao hàng không quá 02 (hai) giờ. Nếu nhà thầu không cung ứng đủ hàng và đúng thời gian như quy định thì sẽ bị phạt theo quy định tại Hợp đồng đã ký kết với bên mua;

+ Trước khi giao hàng bên Chủ đầu tư sẽ thông báo khối lượng, chủng loại cụ thể của mỗi địa điểm để giao hàng theo thực tế nhu cầu.

4. Các yêu cầu khác

- Kiểm tra hàng mẫu: Đối với Gạo. Trường hợp được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải cấp hàng mẫu để Chủ Đầu tư kiểm tra chất lượng gồm: tối thiểu 50Kg gạo mẫu, giấy kiểm nghiệm và công bố chất lượng gạo;

- Chứng từ: Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ, chứng nhận chất lượng sản phẩm khi chủ đầu tư yêu cầu;

- Nhà thầu cam kết khắc phục, đổi hàng mới khi sản phẩm có sai sót do lỗi của nhà thầu;

- Nhà thầu cam kết chịu toàn bộ chi phí vận chuyển, bốc xếp trong quá trình cung ứng hàng hóa, kiểm tra, nghiệm thu và giao nhận hàng;

- Nhà thầu cam kết xử lý, bồi thường thiệt hại và chịu toàn bộ chi phí để khắc phục hậu quả ngộ độc thực phẩm (nếu có) xảy ra nếu nguyên nhân là do lỗi của nhà thầu

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Theo quy định hiện hành;

- Bất cứ hàng hóa nào không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của E-HSMT sẽ không được nghiệm thu.